

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC
MÔN: BỆNH TRUYỀN NHIỄM XÃ HỘI

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4.0		6.0	6.0		
1	1213240024	Phạm Nguyễn Thế Anh	26/04/1996	01YS14B1	8.5	9.0	8.8		10.0		9.5	Đạt
2	1213240031	Lê Trần Hoài Anh	14/07/1989	01YS14B1	7.5	9.0	8.5		10.0		9.4	Đạt
3	1213180021	Huỳnh Thanh Đại	30/12/1980	01YS14B1	8.0	9.0	8.7		9.3		9.0	Đạt
4	1213240052	Nguyễn Duy Khá	12/02/2003	01YS14B1	7.5	9.0	8.5		10.0		9.4	Đạt
5	1213180015	Trần Thị Thu Quyên	20/11/1986	01YS14B1	8.5	9.0	8.8		9.7		9.4	Đạt
6	1213240030	Huỳnh Thanh Hạnh Sơn	06/01/2001	01YS14B1	7.0	9.0	8.3		9.7		9.2	Đạt
7	1213180027	Nguyễn Viễn Thông	20/8/1990	01YS14B1	7.5	9.0	8.5		10.0		9.4	Đạt
8	1213360060	Nguyễn Hồng Thái	21/09/1988	01YS14D1	8.0	9.0	8.7		10.0		9.5	Đạt
9	1213360122	Trần Quốc Vũ	10/02/1982	01YS14D1	8.0	9.0	8.7		10.0		9.5	Đạt
10	1213180020	Hạ Trần Vũ	17/3/1996	01YS14B1	7.5	9.0	8.5		10.0		9.4	Đạt

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC
MÔN: SỨC KHỎE TRẺ EM

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4.0		6.0	6.0		
1	1213240024	Phạm Nguyễn Thế Anh	26/04/1996	01YS14B1	6.5	7.0	6.8		7.7		7.3	Đạt
2	1213240031	Lê Trần Hoài Anh	14/07/1989	01YS14B1	6.5	7.0	6.8		8.2		7.6	Đạt
3	1213180021	Huỳnh Thanh Đại	30/12/1980	01YS14B1	6.0	6.5	6.3		7.8		7.2	Đạt
4	1213240052	Nguyễn Duy Khá	12/02/2003	01YS14B1	5.5	6.0	5.8		8.2		7.2	Đạt
5	1213180015	Trần Thị Thu Quyên	20/11/1986	01YS14B1	6.5	7.0	6.8		8.2		7.6	Đạt
6	1213240030	Huỳnh Thanh Hạnh Sơn	06/01/2001	01YS14B1	7.0	7.5	7.3		8.2		7.8	Đạt
7	1213180027	Nguyễn Viễn Thông	20/8/1990	01YS14B1	7.0	7.5	7.3		8.2		7.8	Đạt
8	1213360060	Nguyễn Hồng Thái	21/09/1988	01YS14D1	5.5	6.0	5.8		8.2		7.2	Đạt
9	1213360122	Trần Quốc Vũ	10/02/1982	01YS14D1	7.0	7.5	7.3		8.2		7.8	Đạt
10	1213180020	Hạ Trần Vũ	17/3/1996	01YS14B1	6.5	7.0	6.8		8.2		7.6	Đạt

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC
MÔN: BỆNH CHUYÊN KHOA

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2		
								4.0		6.0	6.0	TB Môn	KQ1
1	1213240024	Phạm Nguyễn	Thế Anh	26/04/1996	01YS14B1	8.0	8.0	8.0		8.0		8.0	Đạt
2	1213240031	Lê Trần	Hoài Anh	14/07/1989	01YS14B1	8.0	8.0	8.0		8.8		8.5	Đạt
3	1213180021	Huỳnh Thanh	Đại	30/12/1980	01YS14B1	7.0	7.0	7.0		6.7		6.8	Đạt
4	1213240052	Nguyễn Duy	Khá	12/02/2003	01YS14B1	8.0	8.0	8.0		8.8		8.5	Đạt
5	1213180015	Trần Thị Thu	Quyên	20/11/1986	01YS14B1	7.0	8.0	7.7		9.2		8.6	Đạt
6	1213240030	Huỳnh Thanh	Hạnh Sơn	06/01/2001	01YS14B1	8.0	8.0	8.0		4.8		6.1	Đạt
7	1213180027	Nguyễn Viễn	Thông	20/8/1990	01YS14B1	8.0	7.0	7.3		9.3		8.5	Đạt
8	1213360060	Nguyễn Hồng	Thái	21/09/1988	01YS14D1	8.0	8.0	8.0		8.7		8.4	Đạt
9	1213360122	Trần Quốc	Vũ	10/02/1982	01YS14D1	8.0	9.0	8.7		8.7		8.7	Đạt
10	1213180020	Hạ Trần	Vũ	17/3/1996	01YS14B1	10.0	9.0	9.3		9.0		9.1	Đạt

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC
MÔN: Y HỌC CỔ TRUYỀN PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
						HS1	HS2	4.0		6.0	6.0		
1	1213240024	Phạm Nguyễn Thế	Anh	26/04/1996	01YS14B1	6.0	8.0	7.3		8.8		8.2	Đạt
2	1213240031	Lê Trần Hoài	Anh	14/07/1989	01YS14B1	9.0	9.0	9.0		9.8		9.5	Đạt
3	1213180021	Huỳnh Thanh	Đại	30/12/1980	01YS14B1	8.0	9.0	8.7		9.0		8.9	Đạt
4	1213240052	Nguyễn Duy	Khá	12/02/2003	01YS14B1	6.0	6.0	6.0				2.4	Thi lại
5	1213180015	Trần Thị Thu	Quyên	20/11/1986	01YS14B1	8.0	9.0	8.7		9.2		9.0	Đạt
6	1213240030	Huỳnh Thanh Hạnh	Son	06/01/2001	01YS14B1	8.0	8.0	8.0		6.8		7.3	Đạt
7	1213180027	Nguyễn Viễn	Thông	20/8/1990	01YS14B1	10.0	9.0	9.3		9.5		9.4	Đạt
8	1213360060	Nguyễn Hồng	Thái	21/09/1988	01YS14D1	8.0	9.0	8.7		9.3		9.1	Đạt
9	1213360122	Trần Quốc	Vũ	10/02/1982	01YS14D1	9.0	9.0	9.0		9.5		9.3	Đạt
10	1213180020	Hạ Trần	Vũ	17/3/1996	01YS14B1	8.0	9.0	8.7		9.8		9.4	Đạt